

Bản án số: 11/2024/DS-ST

Ngày: 26/4/2024

Về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Thúy**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Công Thắm**
2. Ông **Trần Quốc Đầu**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đặng Văn Dương**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2023/TLST - DS ngày 28 tháng 11 năm 2023, về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐST-DS ngày 28/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2024/QĐST-DS ngày 08/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S (S1)**

Địa chỉ trụ sở: **Số B, N, phường H, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh**; Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Chức vụ: Tổng giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Khánh H**; Chức vụ: Chuyên viên quỹ tín dụng - Phòng kiểm soát rủi ro **Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh N** - Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: **Anh Bùi Huy H1**; Sinh năm: 1998; Nơi ĐKNKTT: nhà **số F, ngõ A, đường T, khối A, phường L thành phố V, Nghệ An** - Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 12/9/2023 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Khánh H trình bày:

Ngày 22/4/2022, ông Bùi Huy H1 có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông H1, ngày 26/4/2022 Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Classic số thẻ 472074-9023 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất áp dụng là 31.2%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi được cấp tín dụng, ngày đầu tiên ông H1 sử dụng thẻ là ngày 10/6/2022 ngày cuối sử dụng thẻ là ngày 10/02/10/2023 với tổng số tiền là 10,769,209 đồng (Mười triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm lẻ chín) đồng. Ông H1 đã thanh toán số tiền gốc 3.896.768 đồng lãi suất, phí và phí trễ hạn tổng số tiền 7.434.152 đồng. Đến ngày 10/8/2023 ông H1 bắt đầu không thanh toán như cam kết với Ngân hàng. Theo quy định tại điểm b mục 24.4 Điều 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng khoản vay của ông H1 chuyển quá hạn từ ngày 25/9/2023. Tạm tính đến ngày 26/4/2024 ông H1 còn nợ S1 14.706.886 đồng. Trong đó nợ gốc: 10,769,209 đồng (Mười triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm lẻ chín); lãi trong hạn 745.768 đồng; lãi quá hạn 3.191.886 đồng).

Ngoài ra ông H1 là khách hàng đã định danh của S1 theo quy định tại thông báo số 963/2022/TB-TTT ngày 22/4/2024 của S1 V/v dịch vụ vay tiêu dùng trên S1, nên ngày 28/4/2022 ông H1 ký với Ngân hàng Giấy đề nghị kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số: 1998675 bằng hình ký online trên S1 với hạn mức 27.000.000 đồng thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất là 0,9%/ tháng, số tiền trả gốc trả góp mỗi tháng là 1.125.000 đồng; lãi mỗi tháng 243.000 đồng. Ngân hàng đã cấp thẻ số 356480-6589 giải ngân vào tài khoản trên S1 của ông H1 số tiền 27.000.000 đồng. Sau khi vay ông H1 đã trả được 13 kỳ cả gốc là lãi là 18.426.000 đồng. Từ ngày 25/8/2023 ông H1 không trả gốc, lãi theo thỏa thuận, dư nợ còn lại còn đến ngày 26/4/2024 là 15.048.000 đồng (11 kỳ). Trong đó gốc lại là 12.375.000 đồng; lãi 2.673.000 đồng.

Sau khi khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã rất nhiều lần gửi thông báo và làm việc trực tiếp với ông H1 yêu cầu ông H1 thực hiện

nghĩa vụ trả nợ. Tại biên bản làm việc ngày 21/6/2023 khách hàng xin gia hạn và cam kết trả nợ tuy nhiên sau đó vẫn không thực hiện. Vì vậy, hiện nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông **Bùi Huy H1** phải trả nợ cho ngân hàng đối với 2 khoản vay trên tạm tính đến ngày 26/4/2024 là 29.754.886 đồng (Hai mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi tư nghìn, tám trăm tám sáu đồng). Cụ thể:

Đối với thẻ tín dụng Visa Classic số thẻ 472074-9023 tạm tính đến ngày 26/4/2024 ông **H1** còn nợ **S1** 14.706.886 đồng. Trong đó nợ gốc: 10,769,209 đồng (Mười triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm lẻ chín); lãi trong hạn 745.768 đồng; Lãi quá hạn 3.191.886 đồng).

Đối với thẻ số 356480-6589 trên **S1** dư nợ còn đến ngày 26/4/2024 là 15.048.000 đồng. Trong đó gốc lại là 12.375.000 đồng; lãi 2.673.000 đồng.

Đồng thời, yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận cho đến ngày ông **H1** thực tế thanh toán hết nợ cho **S1**.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông **Bùi Huy H1** đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thì ông **Bùi Huy H1** hiện nay vẫn đang đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống cùng gia đình tại **khối A, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An** nên Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết Thông báo về việc Thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải... nhiều lần nhưng ông **H1** vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc:

- Tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 26, Điều 35 BLTTDS; xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định... Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân

sự; Điều 91, 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông **Bùi Huy H1** phải trả tiền gốc, tiền lãi phát sinh tính đến ngày 26/4/2024 là 29.754.886 đồng (Hai mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi tư nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng) cho **Ngân hàng TMCP S**.

Về án phí: **Ngân hàng TMCP S** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Ông **Bùi Huy H1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì ông **Bùi Huy H1** có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại **khối A, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An** nên Tòa án nhân dân thành phố Vinh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông **Bùi Huy H1** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **H1**.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về yêu cầu thanh toán các khoản vay của Ngân hàng: Hợp đồng vay tài sản giữa **Ngân hàng TMCP S** và ông **Bùi Huy H1** được thể hiện dưới hình thức căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/4/2022 đã được ông **Bùi Huy H1** ký kết và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 1998675 được hai bên xác lập trên **S1**. Như vậy, về mặt hình thức của hợp đồng được hai bên xác lập theo mẫu chung do Ngân hàng quy định, phù hợp với quy định tại Điều 405 Bộ luật Dân sự. Hội đồng xét xử thấy rằng về hình thức cũng như nội dung của các hợp đồng vay là hoàn toàn tự nguyện và thỏa thuận không trái với các quy định tại Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463 Bộ luật Dân sự nên các Hợp đồng vay tài sản này có hiệu lực pháp lý với các bên đã ký kết.

Quá trình thực hiện Hợp đồng ngày 26/4/2022 Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng Visa Classic số thẻ 472074-9023 cho ông **H1** với hạn mức 30.000.000 đồng. Ông **H1** đã sử dụng số tiền 10.769.209 đồng, đã thanh toán gốc 3.896.768

đồng; lãi suất, phí, phí trễ hạn 7.434.12 đồng. Đến ngày 10/8/2023 ông **H1** không thanh toán số dư nợ gốc chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/9/2023. Ngày 28/4/2022 Ngân hàng giải ngân cho ông **H1** dịch vụ vay tiêu dùng trên **S1** số tiền 27.000.000 đồng, ông **H1** đã thanh toán được 13 kỳ gốc và lãi là 18.426.000 đồng. Kể từ ngày 25/8/2023 ông **H1** không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và tiền lãi đã ký với Ngân hàng.

Như vậy, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, ông **H1** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên thỏa thuận. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông **Bùi Huy H1** không có mặt và cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác thể hiện về việc đã trả tiền. Căn cứ vào lời khai của đại diện ngân hàng tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ do ngân hàng cung cấp. Theo quy định tại bản và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì: Lãi suất cho vay của ngân hàng đối với chủ thẻ thông qua việc phát hành và sử dụng Thẻ áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do Ngân hàng quy định tại từng thời kỳ và lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Đối với dịch vụ vay tiêu dùng trên **S1** tại mục Điều 3 Giấy đề nghị Kiêm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số 1998675 ngày 28/4/2022 quy định về lãi suất, trả nợ vay, bảo đảm tiền vay.

Vì vậy, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông **Bùi Huy H1** trả số tiền nợ gốc và lãi cho ngân hàng đối với 2 khoản vay trên tạm tính đến ngày 26/4/2024 là 29.754.886 đồng (Hai mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi tư nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng.) Cụ thể: Thẻ tín dụng Visa Classic số thẻ 472074-9023 là 14.706.886 đồng, trong đó nợ gốc: 10.769.209 đồng (Mười triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm lẻ chín); lãi 3.937.654 đồng (Ba triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm năm mươi tư đồng). Thẻ số 356480-6589 trên **S1** là 15.048.000 đồng. (Mười lăm, không trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Trong đó gốc là 12.375.000 đồng (Mười hai triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); lãi 2.673.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 466 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP S** được chấp nhận nên ông **Bùi Huy H1** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 405 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S.
2. Buộc ông Bùi Huy H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền (tính đến ngày 26/4/2024) là 29.754.886 đồng (Hai mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi tư nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng).

Cụ thể:

- Đối với thẻ tín dụng Visa Classic số thẻ 472074-9023 là 14.706.886 đồng (Mười bốn triệu, bảy trăm linh sáu nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng. Trong gốc: 10.769.209 đồng (Mười triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm lẻ chín đồng); lãi 3.937.654 đồng (Ba triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm năm mươi tư đồng).

- Đối với thẻ số 356480-6589 trên S1 là 15.048.000 đồng (Mười lăm triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Trong đó gốc là 12.375.000 đồng (Mười hai triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); lãi 2.673.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/4/2024), cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về án phí: Ông Bùi Huy H1 phải chịu 1.487.700 đồng (Một triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn, bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo biên lai thu tiền số 0004099 ngày 17/11/2023.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND thành phố Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy